Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 22.08.2026 16:05:37 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51 /2026/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2026*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông đối với từng loại hình dịch vụ viễn thông và đo tốc độ mạng Internet dịch vụ viễn thông công ích

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông đối với từng loại hình dịch vụ viễn thông và đo tốc độ mạng Internet dịch vụ viễn thông công ích.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông đối với từng loại hình dịch vụ viễn thông và đo tốc độ mạng Internet (dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông) theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và điểm c khoản 8 Điều 6 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích (sau đây viết tắt là Nghị định số 295/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động viễn thông công ích tại Việt Nam.

Điều 3. Yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông

1. Nguyên tắc:

a) Việc triển khai phổ cập dịch vụ viễn thông phải tuân thủ nguyên tắc trung lập công nghệ; không bắt buộc áp dụng một loại công nghệ duy nhất;

b) Công nghệ được lựa chọn để cung cấp dịch vụ và phương án triển khai để phổ cập dịch vụ viễn thông phải phù hợp với đặc điểm địa hình, phân bố dân cư, nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân và hiệu quả đầu tư;

c) Đối với dịch vụ băng rộng di động mặt đất: công nghệ được lựa chọn phải phù hợp với việc triển khai tại các khu vực tập trung dân cư như nhà văn hóa thôn, trung tâm thôn, khu vực có các hộ dân sinh sống liền kề tập trung đông dân cư nhất;

d) Đối với dịch vụ băng rộng cố định mặt đất: công nghệ được lựa chọn phải phù hợp với việc triển khai tại các khu vực tập trung dân cư như nhà văn hóa thôn, trung tâm thôn, khu vực có các hộ dân sinh sống liền kề tập trung đông dân cư nhất và người dân có nhu cầu sử dụng dịch vụ Internet có băng thông rộng, tốc độ cao, không giới hạn về dung lượng;

đ) Đối với dịch vụ băng rộng cố định vệ tinh (dịch vụ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp; vệ tinh quỹ đạo địa tĩnh hoặc quỹ đạo cao; hoặc các công nghệ truy nhập phù hợp khác): công nghệ được lựa chọn phải sử dụng kết hợp, song song cùng với các công nghệ về băng rộng di động, băng rộng cố định, nhất là việc triển khai cho hộ dân sống đơn lẻ; khu vực bị chia cắt bởi địa hình; khu vực không khả thi đầu tư trạm thu phát sóng di động hoặc hạ tầng cáp quang;

e) Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu sử dụng các công nghệ khác như: Fixed Wireless Access (FWA); Wi-Fi Point-to-Multipoint; Wi-Fi Mesh; Microwave; giải pháp truyền dẫn vô tuyến khác; và các công nghệ mới phù hợp xu hướng quốc tế để đa dạng hóa các hình thức công nghệ cung cấp dịch vụ đến người dân.

2. Yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích đối với dịch vụ băng rộng di động mặt đất:

a) Tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40 Mbit/s và tốc độ tải lên trung bình tối thiểu 10 Mbit/s đo bằng công cụ i-Speed đối với công nghệ di động mặt đất 4G;

b) Tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 100 Mbit/s và tốc độ tải lên trung bình tối thiểu 30 Mbit/s đối với công nghệ di động mặt đất 5G;

c) Thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông theo quy định và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

3. Yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích đối với dịch vụ băng rộng cố định mặt đất:

a) Gói dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất: tốc độ tải dữ liệu tối thiểu 100 Mbit/s;

b) Thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông theo quy định và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

4. Yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích đối với dịch vụ băng rộng cố định vệ tinh:

a) Tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40 Mbit/s và tốc độ tải lên trung bình tối thiểu 10 Mbit/s đo bằng công cụ i-Speed; Bảo đảm đúng cam kết chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ tinh;

b) Thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông theo quy định và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

5. Đối với các khu vực nhà giàn, giàn khoan trên biển, không áp dụng các yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 4. Xác định vị trí được phổ cập dịch vụ viễn thông di động mặt đất

1. Vị trí được phổ cập dịch vụ viễn thông di động mặt đất đối với thôn, bản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP là thôn, bản, bao gồm tại trung tâm thôn có nhà văn hóa thôn hoặc khu vực có các hộ dân sinh sống liền kề tập trung đông dân cư nhất nhưng không có sóng di động mặt đất của doanh nghiệp viễn thông nào, hoặc có sóng di động nhưng khi đo tốc độ truy nhập Internet thông qua trải nghiệm người dùng bằng công cụ i-Speed có chất lượng dịch vụ dưới mức công bố của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất.

2. Cách xác định:

a) Sử dụng hệ thống đo tốc độ truy nhập Internet Việt Nam (VNNIC Internet Speed) do Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) - Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, phát triển để đo tốc độ truy nhập Internet thông qua trải nghiệm người dùng, bao gồm Ứng dụng i-Speed by VNNIC (i-Speed) trên các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android, iOS và website: https://speedtest.vn, https://i-speed.vn;

b) Thực hiện đo các thông số: tốc độ tải xuống (Mbit/s), tốc độ tải lên (Mbit/s) và sử dụng kết quả đo đó để lập bản đồ số các vị trí được phổ cập dịch vụ viễn thông di động mặt đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Điều 5. Xác định vị trí được phổ cập dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định

Vị trí được phổ cập dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định tại thôn, bản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP là thôn, bản, bao gồm trung tâm thôn có nhà văn hóa thôn hoặc các hộ dân sinh sống liền kề tập trung đông dân cư nhất không có hạ tầng viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định của bất kỳ doanh nghiệp viễn thông nào. Căn cứ vào vị trí được phổ cập dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định tại thôn, bản để lập bản đồ số theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Điều 6. Đo tốc độ truy nhập dịch vụ Internet phục vụ báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Đo tốc độ truy nhập dịch vụ Internet phục vụ báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 6 Nghị định 295/2025/NĐ-CP được thực hiện sau ít nhất 15 ngày tính từ thời điểm doanh nghiệp viễn thông thông báo cung cấp dịch vụ trên địa bàn. Trường hợp sau khi đo, kết quả không đạt yêu cầu chất lượng dịch vụ thì doanh nghiệp được tối ưu mạng và tổ chức đo lại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày doanh nghiệp thông báo đã tối ưu lại mạng.

2. Nguyên tắc đo:

a) Việc đo tốc độ truy nhập Internet phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, phản ánh đúng chất lượng kết nối thực tế mà người dùng trải nghiệm tại thời điểm đo;

b) Không được can thiệp, làm sai lệch kết quả đo dưới bất kỳ hình thức nào. Trường hợp phát hiện có hành vi gian lận, kết quả đo sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng hệ thống đo tốc độ truy nhập Internet Việt Nam (VNNIC Internet Speed) do Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) - Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, phát triển để đo tốc độ truy nhập Internet thông qua trải nghiệm người dùng, bao gồm: Ứng dụng i-Speed by VNNIC (i-Speed) trên các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android, iOS và website: https://speedtest.vn, https://i-speed.vn.

4. Phương pháp đo đối với dịch vụ truy nhập Internet di động mặt đất:

a) Bước 1 - Chuẩn bị đo: sử dụng điện thoại thông minh được sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên lãnh thổ Việt Nam, có thể cài đặt, vận hành ổn định ứng dụng Đo tốc độ truy nhập Internet Việt Nam (i-Speed) do Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) phát triển. Thiết bị đo không được đặt trong phạm vi có khả năng bị nhiễu bởi các nguồn phát sóng vô tuyến điện hoặc các thiết bị

điện, điện tử gây nhiễu (ví dụ: lò vi sóng đang hoạt động, thiết bị thu - phát sóng Wi- Fi, thiết bị Bluetooth công suất lớn, máy phát tín hiệu), đồng thời bảo đảm không có ứng dụng nền đang sử dụng băng thông lớn (ví dụ: tải video, cập nhật phần mềm). Ghi nhận thông số kinh độ, vĩ độ (lấy từ ứng dụng i-Speed hoặc thiết bị định vị) của vị trí đo và thời gian bắt đầu đo.

b) Bước 2 - Thực hiện đo: Mỗi vị trí đo thực hiện 05 mẫu đo bao gồm các vị trí trong nhà, ngoài trời; ghi nhận các chỉ số: tốc độ tải xuống (Mbit/s), tốc độ tải lên (Mbit/s), mỗi lần cách nhau tối thiểu 30 giây. Vị trí đo tại nhà văn hóa thôn và các hộ dân theo kết quả phê duyệt đấu thầu/đặt hàng/giao nhiệm vụ của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam với doanh nghiệp.

c) Bước 3 - Xử lý kết quả: Giá trị tốc độ tải xuống và tải lên của vị trí đo là giá trị trung bình của 05 mẫu đo.

5. Phương pháp đo đối với dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định:

a) Bước 1 - Chuẩn bị đo: Trường hợp sử dụng thiết bị đo là điện thoại thông minh, việc đo được thực hiện thông qua thiết bị phát sóng Wi-Fi đã được kết nối với mạng Internet. Thiết bị phát sóng Wi-Fi phải bảo đảm hỗ trợ các băng tần đã được quy hoạch cho thiết bị phát sóng Wi-Fi tại Việt Nam. Quy trình đo được thực hiện tương tự như đối với dịch vụ truy nhập Internet di động mặt đất quy định tại khoản 4 Điều này; Trường hợp sử dụng thiết bị đo là máy tính đã được kết nối mạng Internet và truy nhập website https://speedtest.vn hoặc https://i-speed.vn. Ghi nhận các thông số về tọa độ của vị trí đo (kinh độ, vĩ độ lấy từ ứng dụng i- Speed hoặc thiết bị định vị) và thời gian bắt đầu đo.

b) Bước 2 - Thực hiện đo: Mỗi vị trí đo thực hiện 05 mẫu đo liên tiếp, mỗi lần cách nhau tối thiểu 30 giây; ghi nhận các chỉ số: tốc độ tải xuống (Mbit/s), tốc độ tải lên (Mbit/s). Vị trí đo tại nhà dân đã được cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định. Trường hợp chưa có hộ dân sử dụng dịch vụ, doanh nghiệp phải thực hiện mô phỏng để tổ chức đo chất lượng dịch vụ.

c) Bước 3 - Xử lý kết quả: Giá trị tốc độ tải xuống và tải lên của vị trí đo là giá trị trung bình của 05 mẫu đo.

6. Đối với dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định vệ tinh: phương pháp đo tương tự phương pháp đo đối với dịch vụ viễn thông di động mặt đất quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Kết quả đo phải được thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

a) Thông tin về địa điểm đo (kinh độ, vĩ độ, địa chỉ thôn/xã);

b) Thời điểm đo (ngày, giờ);

c) Tốc độ tải xuống (Mbit/s);

d) Tốc độ tải lên (Mbit/s).

8. Báo cáo kết quả đo được lập theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư này, gồm đại diện doanh nghiệp viễn thông, trưởng thôn hoặc đại diện hộ dân được thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích và xác nhận của đại diện cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

9. Chất lượng dịch vụ viễn thông công ích thực hiện theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Thông tư này. Kết quả đo phục vụ báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong Thông tư này được sử dụng để phục vụ mục tiêu phổ cập dịch vụ viễn thông công ích và không thay thế cho việc quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông theo quy định hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn lập bản đồ số (bao gồm: vị trí thôn, bản hoặc các vị trí khác thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông; vị trí các hộ dân; vị trí để phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ); Thống kê số hộ dân, số dân trong thôn, bản (theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo);

b) Gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam) bản đồ số, số liệu thống kê để tổng hợp, triển khai hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn;

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp xã và trưởng thôn hoặc hộ dân được thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn để thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

2. Cục Viễn thông theo dõi, hướng dẫn xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Thông tư.

3. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam:

a) Tiếp nhận bản đồ số của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; rà soát, kiểm tra, tổng hợp danh sách vị trí được phổ cập dịch vụ viễn thông do địa phương gửi lên để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 295/2025/NĐ-CP và Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Rà soát phương án thiết kế sơ bộ do doanh nghiệp đề xuất đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông; việc hỗ trợ đầu tư không nhất thiết phải bảo đảm phủ sóng băng rộng di động đến 100% số hộ dân nếu có hộ dân nằm trong khu vực địa hình bị chia cắt, che chắn, khuất, khó khăn trong việc phủ sóng di động nhưng phải đảm bảo số hộ dân được phủ sóng là tối đa nếu khả thi về mặt kỹ thuật; những hộ dân nằm trong khu vực bị chia cắt, che chắn, khuất hoặc những hộ dân đơn lẻ chưa được phủ sóng dịch vụ di động mặt đất thì xem xét áp dụng giải pháp công nghệ phù hợp khác để bảo đảm tính hiệu quả.

4. Trung tâm Internet Việt Nam:

a) Bảo đảm Hệ thống đo tốc độ truy nhập Internet Việt Nam (i-Speed) hoạt động an toàn, liên tục, ổn định;

b) Bảo đảm dữ liệu đo được lưu trữ đầy đủ, chính xác, có khả năng truy xuất phục vụ kiểm tra, giám sát và nghiệm thu;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật đối với cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp viễn thông trong quá trình thực hiện đo kiểm;

d) Phối hợp với Cục Viễn thông và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến kết quả đo.

5. Các doanh nghiệp viễn thông:

a) Phối hợp theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ để lập bản đồ số bao gồm: vị trí thôn, bản hoặc các vị trí khác thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông; vị trí các hộ dân; vị trí để phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ; số hộ dân, số dân trong thôn, bản;

b) Đề xuất phương án thiết kế sơ bộ kèm giải pháp công nghệ (di động mặt đất, cố định mặt đất, cố định vệ tinh) trên bản đồ phủ sóng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông; phù hợp với đặc điểm địa hình, phân bố dân cư theo bản đồ số của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trì, tổ chức đo kiểm, báo cáo kết quả đo theo quy định;

d) Duy trì chất lượng dịch vụ trong suốt thời gian thực hiện nghĩa vụ theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chịu trách nhiệm khắc phục sự cố trong thời hạn phù hợp theo quy định của pháp luật và hợp đồng với Quỹ;

đ) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu, dữ liệu kỹ thuật cần thiết để phục vụ công tác quản lý, giám sát, tổng hợp và báo cáo về hoạt động viễn thông công ích theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, dữ liệu và kết quả đo kiểm do đơn vị mình cung cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, cần phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT Bộ;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Cổng TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Lưu: VT, Cục VT.

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Vũ Hải Quân

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...51./2026/TT-BKHCN ngày ..19 tháng ..8. năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số 01	Kết quả đo tốc độ truy nhập Internet
Mẫu số 02	Danh sách khu vực đề nghị phổ cập dịch vụ viễn thông

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……. tháng ……. năm ……

KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TRUY NHẬP INTERNET

(Dùng cho dịch vụ viễn thông công ích)

Căn cứ Thông tư số ……/2026/TT-BKHCN ngày … tháng … năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông và đo tốc độ mạng Internet dịch vụ viễn thông công ích.

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm ……, tại: Hộ gia đình ông (bà) có địa chỉ là …… (Địa chỉ cụ thể: thôn/xóm/bản ……, xã/phường ……, tỉnh/thành phố ……)

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện …. (tên doanh nghiệp) …. chi nhánh ….

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Đơn vị công tác: .....
- Số điện thoại: ……...

2. Đại diện thôn …*(tên thôn)...:*

- Trưởng thôn/Hộ dân: .....
- CCCD số:……., cấp ngày ……/……/……, tại .....
- Số điện thoại: ……...

3. Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Đơn vị công tác: .....
- Số điện thoại: ……...

Các bên thống nhất kết quả đo như sau:

Loại hình dịch vụ: ☐ Băng rộng Di động 4G

☐ Băng rộng Di động 5G

☐ Băng rộng cố định (cáp quang)

☐ Băng rộng cố định vệ tinh

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: .....

Thông tin thiết bị đo: Tên model của máy điện thoại và phiên bản hệ điều hành (Android/iOS) sử dụng ứng dụng i-Speed để đo kiểm/ Tên chủng loại máy tính ..... website để đo kiểm.

Mẫu đo	**Vị trí đo**		**Thời điểm đo**	**Tốc độ tải xuống (Mbit/s)**	**Tốc độ tải lên (Mbit/s)**	**Đường dẫn (link) kết quả đo**	**Đạt/Không đạt yêu cầu**
	Kinh độ	**Vĩ độ**					
1							
2							
…							
5							
Giá trị trung bình của 05 mẫu đo							

Chúng tôi xác nhận kết quả đo trên là trung thực, khách quan, phản ánh đúng trải nghiệm thực tế tại thời điểm đo.

ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN THÔN …….
TRƯỞNG THÔN/HỘ DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ PHỔ CẬP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

STT	Tên thôn	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Số nhân khẩu	Số điện thoại chủ hộ (nếu có)	Vị trí		Ghi chú
						Kinh độ	Vĩ độ	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1								
2								
….								

……, ngày ……. tháng ……. năm ……

Người lập biểu

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH/THÀNH PHỐ ……
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

+ Mẫu số 2 được Sở KHCN lập, gửi Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích theo quy định tại điều 7 và gửi kèm theo các văn bản thống nhất của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn về hiện trạng phủ sóng di động hoặc hiện trạng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

+ Hướng dẫn lập biểu :

(1) Số thứ tự hộ dân.
(2) Tên thôn/bản.
(3) Họ và tên chủ hộ theo căn cước công dân.
(4) Địa chỉ hộ dân cần phổ cập dịch vụ viễn thông.
(5) Tổng số người thường trú.
(6) Số điện thoại của chủ hộ (nếu có).

(7) Kinh độ định dạng WGS84 (Ví dụ: 108.213456) cập nhật vào bản đồ số theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này.
(8) Vĩ độ định dạng WGS84 (Ví dụ: 15.982345) bản đồ số theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này.
(9) Các thông tin khác.